

ĐẠI BÁT-NIỆT-BÀN KINH TẬP GIẢI

QUYỂN 52

Phẩm 22: ĐỨC VƯƠNG (Phần 8)

- Giải thích rộng về tâm tính vốn tịnh, chẳng đi chung với tham.
- Bốn câu giải thích nghĩa tham có khi tâm, cùng tham câu sinh, không cùng tham câu diệt.

“Này người thiện nam! Thế nào là Đại Bồ-tát” cho đến “Tâm khéo giải thoát, tuệ khéo giải thoát?”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Gồm có chín pháp Thanh văn cầu Phật theo thứ lớp: Bốn pháp đầu, trong nhân quả của phần đoạn, ba pháp, tu hành Đại thừa, hai pháp sau là việc thành Phật.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Về chín việc, đoạn văn sau sẽ tự giải thích theo thứ lớp. Năm ấm là quả, năm kiến là nhân. Vì nhân dứt, nên nói là ấm dứt.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Nói về tên gọi công đức là danh xưng khen ngợi, mà công đức thứ tám đã dùng chín nhóm pháp làm thể, chỗ thực hành của người mới học, nhờ vào con đường quan trọng của Niết-bàn. Chín nhóm Đại luận không ngoài hai ý: Đầu tiên có hai nhóm nói về sự xa lìa của Niết-bàn. sau pháp bảy nhóm là bàn về đối tượng chứng đắc, là sự xa lìa nghĩa là trừ năm ấm và năm kiến. Nếu thuật lại chỗ chứng đắc của Niết-bàn, thì có bảy nhóm. Trong bảy nhóm lại không ngoài tự tu hành, giáo hóa người, nên gìn giữ một việc. Và với bốn đẳng, vì lợi ích chung cho chúng sinh. Nhưng hai việc này, chủ yếu là ở bên cứu giúp rộng rãi, tốt đẹp nương vào sự nghiệp mở mang mà tạo nên địa vị. Năm nhóm sáu niệm khác..., đều y theo đức mình mà có tên gọi.”

“Này người thiện nam! Thế nào là Bồ-tát dứt trừ năm việc” cho đến “Do nghĩa này nên dùng phương tiện để dứt.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Tiểu thừa chán khổ, dứt bỏ năm ấm.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Đã nương vào sáu hạnh, về lý do quên đi hoài bão, cũng không có thiện, nhưng vì không thọ lãnh nên đã trải qua nhiều kiếp làm tâm sư, chủ yếu là dựa vào lý giáo này mà được ra khỏi. Cho nên người mới học trước phải quán năm ấm làm gốc. Đã thấu rõ thân là giả dối thì phải tu thiện mà dứt, nên hôm nay, trước quán năm ấm làm đầu.

Thọ có một trăm lẻ tám: Đây là số của một phương thọ là ba thọ. Ba thọ có hai thứ: Tịnh thọ và bất tịnh thọ. Y theo “Tác vị” trong sáu căn đủ sáu, thì sáu nhân sáu bằng ba mươi sáu. Y theo phần dĩ vãng trong ba đời thì thành một trăm lẻ tám thọ.”

“Thế nào là Bồ-tát lia bỏ năm việc” cho đến “Thế nên Bồ-tát thường ngăn giữ không gần gũi.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Muốn diệt năm ấm, thì trước phải dứt trừ năm kiến.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Nhóm thứ hai, nhóm là tánh chất tìm kiếm, phần vị nặng của chấp tà. Vì năm kiến này có thể sinh rộng thành sáu mươi hai kiến. Bồ-tát biết rõ năm kiến này là gốc của sinh tử, cho nên ngăn ngừa không cho khởi.”

“Thế nào là Bồ-tát thành tựu sáu việc” cho đến “Đó gọi là Bồ-tát thành tựu sáu việc.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Đạo thấy do đạo, thứ lớp nói về đạo. Nghe nói tu định trong tử thi, thường sợ hãi, giúp họ tu sáu niệm, để dứt nỗi sợ hãi đó.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Ba niệm trước là niệm bên ngoài, kế giới, thí là công hạnh bên trong. Niệm thiên sau là quả vị lai.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Nhóm thứ ba, từ khi Phật ra đời đã có sáu niệm này rồi (Phẩm Phạm Hạnh đã giải thích rộng).”

Thế nào là Bồ-tát tu tập năm việc” cho đến “Do đó, Bồ-tát siêng năng tu tập.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Do niệm thành định. Đầu tiên là bốn thiền, một thiền sau là tuệ. Đủ bốn pháp này lia khổ phần đoạn.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Đầu tiên biết định, nghĩa là thiền định. “Dùng âm thanh kích động, khởi tâm hay biết” kế là nói về các thiền.

Tịch định: Định Nhị thiền vững chắc, không bị giác quán làm rối loạn. Các thức diệt là “Tịch định”. Thân tâm vui sướng. Cái vui của ba thiền đã mãn. Không có vui: Bốn thiền trở lên, cho đến Phi tưởng không có tướng của bốn thọ. Nhờ bốn định này mà phát định Thủ lăng nghiêm.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Nhóm thứ tư có năm việc.”

1. Biết định, định Sơ thiền vẫn chưa khởi giác quán, nên thọ biết tên.

2. Tịch định: Nhị thiền, giác quán đã diệt, tâm lự chuyển sang tĩnh. Vì duyên bên ngoài khó xao động, nên gọi là tịch định.

3. Định của thọ vui sướng: Nhị thiền cũng bị dòng chảy trôi nổi của hỷ. Chưa bằng sự vui mừng phấn khởi của ba thiền đã dứt, vì thân tâm thư thái, nên cảm nhận danh từ vui sướng.

4. Định không có niềm vui: Bốn thiền diệt hết vui, không còn có niệm phân biệt, vì lấy Xả thọ làm thể, nên gọi là định không có vui. Nếu được bốn định này, quên tướng ở trong duyên, thì gọi là hai đế chân, tục. Trí tuệ giải cùng cực, gọi là Định Thủ lạng nghiêm.”

“Thế nào là Bồ-tát gìn giữ một việc” cho đến “Thế nên Bồ-tát gìn giữ một pháp.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Bắt đầu phát tâm cầu Phật.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Nhóm thứ năm, là tâm Bồ-đề. Bồ-đề gọi là đạo. Người tu hành này mới tập tâm: Một là xa cầu mong quả Phật; hai là vì cứu vớt chúng sinh kia. Nếu gìn giữ được thì tâm này sẽ khắc sâu Bồ-đề.”

“Thế nào là Bồ-tát gìn giữ bốn việc” cho đến “Thế nên Bồ-tát buộc tâm gìn giữ.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Nuôi lớn Bồ-đề, do bốn Vô lượng”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Nhóm thứ sáu. Ở trước dù đã giải thích về phát tâm, nhưng nếu không tạo nên công hạnh thì kết quả sẽ không do đâu có được. Nay nói về hóa độ người ngoài, vì khởi lên ba tâm bốn đẳng, nguyện cho người ấy và ta đều yên ổn, nếu tu tập lòng từ này, thì sẽ bước lên sơ địa. Dù có bốn tâm khác nhau, nhưng chung là một tâm Từ. Chỉ từ người bắt đầu học, y theo giai cấp mà nói.”

“Thế nào là Bồ-tát tin thuận Nhất thật” cho đến “Thế nên Bồ-tát tin, thuận không trái.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Bốn đẳng thành tựu, được nhập Đại thừa.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Nhóm thứ bảy, thật nghĩa là hiểu vô tướng của Đại thừa. Bồ-tát đã biết chấp tướng là lỗi, bỏ tướng là đạo lý, nên quy về Nhất thật, không còn có đường nào khác.”

“Thế nào là Bồ-tát tâm khéo giải thoát” cho đến “Xưa không đến mà nay được đến.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Vì nhập Đại thừa, nên sau đó, mới có đủ hai việc.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Hai nhóm thứ tám, thứ chín còn lại, chỉ về nghĩa được chia làm hai tâm, cho nên không tự tại. Do yêu đắm làm trở ngại. Nếu quán sát cảnh, với ý nghĩ sáng suốt, thì sẽ không có chướng ngại, nên hôm nay, phiền não đã hết, không có “Hoặc” nào để câu thúc, tác dụng của bóng tối đều được dứt trừ, gọi là tâm giải thoát. Nếu có lúc mê thì đối với cảnh, sẽ không sáng suốt. Nay, không có sự ngăn ngại nào để che lấp trí được, nên gọi là tuệ giải thoát. Tuy nhiên người mới học, phải từ cạn đến sâu, nên trước y theo ấm làm đầu để thành trí tuệ là cuối.”

“Bấy giờ, Bồ-tát Quang Minh Biến Chiếu Cao quý Đức Vương” cho đến “Tâm giải thoát, nghĩa này không đúng.”

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Câu hỏi thứ tám ở trước: “Tâm không nên giải thoát?” xét ra, đầu tiên, Bồ-tát Đức Vương lấy pháp thật làm câu hỏi. Lập nhiều ví dụ, nói tâm không có ràng buộc, giải thoát. Đại ý câu hỏi thứ hai: Tham cũng là “Có”, bởi tâm vốn có tánh tham, thì không thể được giải thoát. Câu hỏi thứ ba nói là chấp tướng, rồi sau mới sinh, là dùng chứng tham này chẳng những ở trong tâm, mà ngay ở cảnh cũng có tham. Vì trong tâm đã có tham, nên cảnh cũng có tham, vì thể tánh như thế, đâu thể thay đổi ư?”

Câu hỏi thứ tư, nói là không nhất định: Nếu đối với một duyên nhất định khởi tham thì nhất định dùng quán bất tịnh để dứt bỏ. Nay, đối với một cảnh, đôi khi khởi lòng tham, hoặc sinh sân si. Tâm cũng không nhất định, hoặc khởi tham, đôi lúc nổi sân, si. Đây là tâm và cảnh, cả hai đều không nhất định. Đã là không nhất định thì không thể dứt. Đã không thể dứt thì sẽ không có giải thoát”.

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Đối với những người chưa thấu đạt, hễ gặp việc là thành chấp, bèn cho rằng, ” tâm vốn không trói buộc, không nên gọi là giải thoát”. Cho nên, nay Bồ-tát Đức Vương mới nêu ra lối chấp tánh nhất định của bốn nhà, để xin Phật giải thích, nhằm chứng minh tà là sai, mà nói lên chánh là đúng”.

Nhà thứ nhất chấp: “Sáu thức đầu tiên tạo ra duyên, thích hợp với phần vị của tâm. Nhưng tác dụng của tham, sân chủ yếu là ở hành ấm. Lúc tâm thức trước kia đã chưa có tham, thì làm sao nói là “Trói buộc trở xuống? Bèn dẫn tám việc sau để chứng thành nghĩa tâm không trói buộc?”

Nhà thứ hai chấp rằng: “Tham cũng là hữu, nói về tham, sân cho đến giải thoát, đều có cùng một lúc. Về sự, như bố trí, chỉ vì công dụng có trước sau, nên không đặt ra hai ví dụ sau để chứng minh.”

Nhà thứ ba chấp: “Từ “Ví dụ như cọ lửa trở xuống, là nói trong các duyên, mỗi duyên đều có một ít tham, chẳng hạn như năm duyên sinh tác dụng của nhãn thức. Trong mỗi duyên đều có tánh thức, phải nhóm họp sinh chung tham”.

Nhà thứ tư chấp: “Tâm cũng không nhất định tham làm tự tánh cho giải thoát, đều không từ nhân duyên”.

“Vì sao tâm, vốn không trói buộc?” cho đến “Làm sao trói buộc được tâm? “

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Trên đã nói về công hạnh của hai giải thoát, được nghĩa “Không” của Trung đạo. Sắp nói Trung đạo, trước là nói không nhóm họp ở giữa, có ba: Trước, nói trong nhân không có quả, nghĩa là tâm vốn không bị trói buộc, như nhãn thức tiếp nhận sắc, chưa có phiền não, nên không bị phiền não trói buộc”.

Pháp sư Tăng Tông nói: “Tham và tâm tịnh, một khởi, một diệt, không hề gặp nhau, cái gọi là “Các pháp không đối đãi nhau” cho đến một niệm không dừng”

“Như người vắt sừng vốn không có sữa cho đến” làm sao kết tham mà trói buộc được tâm?”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Lúc tâm không tham, thì chẳng phải là nhân của tham. Nhân còn bất sinh, thì nhân nào mà trói buộc tâm?”

“Bạch Đức Thế tôn! Ví như ép cát thì không thể được dầu cho đến làm vì sao nói tâm được giải thoát. Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: Tâm và tham là cấu, tịnh ược không đi chung, làm sao có thể tâm ô nhiễm, giả thiết tâm về sau khởi, tâm trước đã thuộc quá khứ. Một hữu, một vô, thì đâu thể ô nhiễm tâm?”

“Bạch Đức Thế tôn! Tham cũng là có, nếu tham không có” cho đến “Nếu tâm có tham thì làm sao thấy tướng mạo?”

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Câu hỏi thứ hai, ví như có người nhìn thấy bức họa cô gái: Đây là giải thích về ngăn ngừa, chế phục. Người khác nói chung, gặp phải duyên nổi lòng tham, tham này do cảnh, đâu phải ở tâm? Nếu nói là chung, thì ở đây sao lại dùng dụ cho ngăn ngừa? Như sau khi nhìn thấy bức họa cô gái rồi mới nổi lòng tham, thì bức họa này đâu là tham ư? Phải biết là do tâm.”

“Nhưng về sau mới sinh, không thấy tướng mạo” cho đến “Chư Phật, Bồ-tát mà bất sinh tâm ư?”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Câu hỏi thứ hai nói: Vốn có tham, vì tham là tánh (bản chất) cũng không có giải thoát? Ở đây nói không

riêng gì tâm có, mà trong duyên cũng có.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Đoạn thứ ba. Nếu trong cảnh có tham mà tâm lại có tánh tham nữa, cả hai chỗ giúp nhau, thì tánh tham nọ càng nặng, nên đọa vào đường ác.”

“Bạch Đức Thế tôn! Tâm cũng không nhất định, nếu tâm nhất định” cho đến “Tu Đại Niết-bàn tâm được giải thoát?”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Câu hỏi thứ ba là môn bất định, nói tâm nhất định thì sẽ không tham, không nhất định thì không có tâm, đều không có giải thoát. Dưới đây so sánh giống như.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Câu hỏi thứ tư.”

“Bấy giờ, Đức Thế tôn bảo Bồ-tát Quang Minh Biến Chiếu” cho đến “Vì tất cả pháp đều không có tự tánh.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Ba câu hỏi trên, tìm tướng nhất định của pháp. Tìm cầu nhất định đều không có điều lành, điều đó dễ hiểu.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Đáp câu hỏi thứ nhất: “Cũng không bị ràng buộc bởi tham. Pháp thật thì không có sự trói buộc cũng chẳng phải không trói buộc, đạo giả danh có ràng buộc. Giải thoát mà chẳng giải thoát cũng giống như vậy, chẳng phải có, chẳng phải không. Thật pháp đương phần tự diệt nên lúc chẳng có đời đổi thì không diệt, vì tướng của pháp thật nối nhau, mà nói chẳng phải không có, pháp chung nhất. Chẳng phải quá khứ, là không phải có ràng buộc riêng, giải thoát ở quá khứ, cho đến thấy chế phục, vị lai cũng vậy. Nói là giả danh nối nhau. Trải qua đời đổi ba đời, được nói là trước kia ràng buộc, nay giải thoát. Chính vì như chỉ thú của giả, thật, thì câu hỏi ban đầu đã được giải thích.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Sẽ nói là chẳng phải đối tượng chấp kia, nên trước giải thích sơ lược ý nghĩa thích đáng, sau phá bỏ tâm chấp kia, cũng không bị kiết tham trói buộc. Nghĩa là vì tâm thức chưa khởi tham, nên nói là không trói buộc, cũng chẳng phải không trói buộc: Lời này có hai thứ:

1. Nói về trói buộc trong duyên thật.
2. Nói về trói buộc trong giả danh nối nhau.

Như trước khởi niệm tham, tự chưa có cách đối trị để đổi mới, được nói tâm thường bị ràng buộc. Đây là sự trói buộc của duyên thật. Nếu sau tác dụng của ngữ đạo nối nhau, sẽ trói buộc trước là hành động, rồi tâm mới khởi tham, phải là tâm sau khởi tham, nhiễm trói buộc ở trước, cũng chẳng phải không trói buộc.

Chẳng phải giải thoát, nghĩa là khi tâm đạo khởi, vì không có “Hoặc” để dứt, nên chẳng phải giải thoát. Trước kia si mê mà nay hiểu rõ cũng chẳng phải không giải thoát. Nếu nhân duyên chưa hội ngộ, nên nói chẳng phải có. Duyên hội hợp thì khởi, nên nói “Chẳng phải không”.

Chẳng phải ba đời: Nói trong ba đời, đương thể liền diệt. Quá khứ đã không có, vị lai thì chưa khởi, hiện tại không dừng, làm sao có tham. Vì sao? Vì pháp vô tự tánh.”

“Này người thiện nam! Có các nhà ngoại đạo nói thế này” cho đến “Sắc có nghĩa mê đắm, tâm có tánh tham.”

Xét: Pháp sư Bảo Lượng nói: “Kế chẳng phải là tà chấp của ngoại đạo. Trước nhà thứ ba là bắt đầu, đến nhà thứ nhất. Sau đó chẳng phải nhà thứ tư. Chẳng phải nhà thứ ba nói: “Ngoại đạo không hiểu biết nói rằng: “Trong các duyên, mỗi duyên đều có tánh tham, ở đây đều là tà chấp.”

Họ lại cho rằng: “Tâm phàm phu có tánh tham” cho đến “Các thuyết trên đây đều không đúng nghĩa.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Trở thành kiến chấp nghiêng lệch kia, chẳng phải là lỗi của thuyết đã nói là hữu trước đây. Điều không có quả, là thành lỗi của thuyết nói vô.

Pháp sư Tăng Tông nói: “Nghĩa đúng đã nói rằng, các pháp không nhất định: Duyên hội tụ thì “Có”, duyên ly tán thì “Không”. Vì không nhất định, nên hai câu hỏi của Bồ-tát tự mất.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Kế là, chẳng phải nhà chấp thứ hai.”

“Có các phàm phu lại cho rằng” cho đến “Vì nhân thô vô thường, nên quả cũng vô thường.”

Xét: Pháp sư Bảo Lượng nói: “Chẳng phải là nhà chấp thứ nhất, nghĩa là rộng tế là thường, vì thô nên vô thường, như thức tâm không có tham, nhà chấp thứ tư mới có tham.”

“Này người thiện nam! Có các phàm phu lại cho rằng” cho đến “Luân hồi trong sáu đường, chịu đủ các sinh tử.”

Xét: Pháp sư Bảo Lượng nói: “Chẳng phải nhà chấp thứ tư vì pháp hữu vi sinh, diệt đều từ duyên khởi, nên chẳng phải tự nhiên.”

“Ví như con chó bị xiềng, suốt ngày đi quanh cột” cho đến “Từ cõi Phi tướng lui sụt, trở lại ba đường ác.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Tế là thường, thô là vô thường. Vì trần hợp thì thành duyên, tan thì trở về gốc. Trần thường là “Duyên” vô thường thì trần không có duyên. Không thể biết nhân duyên của tâm,

nghĩa là chấp đắm nhân quả hữu, vô thì sẽ không biết được nhân duyên của tâm.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Dùng sáu ví dụ để quở chung các chấp của ngoại đạo.”

“Này người thiện nam! Chư Phật, Bồ-tát không hề nói nhất định rằng” cho đến “chẳng phải có quả, chẳng phải không có quả.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Đã nói hữu, vô là nghiêng lệch. Vì muốn nói bốn chấp đều không hội nhập Trung đạo, đáp câu hỏi không nhất định thứ ba.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Đáp câu hỏi thứ tư là hữu, vô không thể nói nhất định, hữu là vì các duyên nên sinh. Một cảnh khởi ba, cho đến vô lượng, cũng đâu có gì nghi ngờ, chỉ làm cho thức “Duyên” với “Giải”, “Hoặc” mà thôi!”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Dưới đây bỏ cách hiểu về nghĩa chánh, vì sắp nói Trung đạo, nên trước nêu ra pháp tà. Nếu phải quyết định tạo ra bốn trường hợp này: Chấp trong nhân có quả, trong nhân không có quả, vừa có vừa không, chẳng phải có, chẳng phải không, đều không khởi sinh tử, thuộc về ma nói. Nếu từ chấp nhận xứng đáng, thích hợp với đường lối trung dung, không trái với chánh lý, tâm không chấp thì đó gọi là Trung đạo. Chư Phật, Bồ-tát dù nói các pháp chẳng phải có, chẳng phải không, nhưng cũng không quyết định có. Nếu “Có” này được quyết định nói là “Có”, thì “Không có” cũng “Không”, “Không” có thể “Không”, thì thế nào là quyết định? Như năm duyên sinh ra nhãn thức, nếu thiếu một duyên, thì thức bất sinh. Nhưng thức này cũng không nhất định, lệ thuộc vào một duyên nào, lại không phải trung gian đủ duyên là sinh, chẳng phải có chẳng phải không, do từ nhân duyên khởi, nên gọi là “Có”. Vì thể của chúng chẳng có tự tánh, nên gọi là “Không”. Nếu tạo ra thuyết như thế, thì thể muôn pháp là không lưỡng đối, là “Có” là “Không”, đó gọi là nghĩa chính.”

“Nếu nói trong nhân, trước nhất định có quả” cho đến “Không biết tướng tâm, kể cả tướng mạo của tham.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Giải thích lý do không nói là vì thấy lỗi của người nói.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Đã nói sơ lược về pháp nhân duyên chẳng nhất định “Có”, nhất định “Không”. Sau đây sẽ phát ra thể “Hoặc” để đối trị. Từ duyên khởi cho là chẳng phải vô. Vì tham không có tự tánh, cho nên “Chẳng phải có”. Giải thoát và tham đều không có tự tánh.”

“Này người thiện nam! Chư Phật, Bồ-tát chỉ rõ Trung đạo” cho

đến “Chẳng phải có, chẳng phải không”, mà không quyết định.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Vì chẳng phải không, chẳng nghiêng lệch nên gọi là Trung. Dù rằng trung, gọi là đồng, nhưng vì khác với nghĩa trung, nên nói là không nhất định.”

“Vì sao? Vì nhân mắt, nhân sắc, nhân ánh sáng, nhân tâm, nhân niệm thức nên được sinh.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Thức đối với bốn nhân, chẳng phải là không.”

“Thức này quyết định không ở trong mắt, trong ánh sáng, trong tâm, trong niệm, cũng không phải ở giữa.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Thức tánh là một, vì tìm kiếm năm chỗ không thật, nên chẳng phải có.”

“Chẳng phải có, chẳng phải không, vì từ duyên sinh” cho đến “Nói rằng: “Các pháp chẳng phải có, chẳng phải không.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Gọi tên, giải thích nghĩa. Tâm ở trong nhân, chẳng phải có, chẳng phải không, là Trung đạo của thế tục, tức là nói tâm tánh từ nhân sinh nên “Có”, vì chúng không có tự tánh nên “Không”, là Trung đạo chân tục. Nếu nói theo gốc “Không” thì cái “Có” này cũng “Không”, cái “Không” này cũng “Không”, là Trung đạo chân đế.”

“Này người thiện nam! Chư Phật, Bồ-tát cuối cùng không có thuyết nhất định” cho đến “Vốn không có tánh tham, nên nói “Chẳng phải có”.

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Đã nói Trung đạo mới được chính nói về tâm tánh không nhất định.”

“Này người thiện nam! Vì từ nhân duyên nên tâm sinh ra tham” cho đến “Hai là theo Đại Niết-bàn.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Tâm đã không nhất định, thì sự ràng buộc, giải thích đều từ duyên sinh”. Này người thiện nam! Vì có nhân duyên nên tâm sanh chung với tham, cho đến “Bất sinh chung với tham, không diệt chung với tham.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Mở ra thành bốn trường hợp, nói về lý Đại thừa, suốt qua tất cả tâm:

1. Trường hợp thứ nhất: “Tâm sinh chung với tham, diệt chung với tham: Đây là nói không được chấp hạn cuộc. Nếu nói theo văn, thì giống như người tu hành khởi tham. Trải qua ba tướng dứt, lúc tướng sinh kia có trụ, diệt. Đã không có nghĩa “E” thì sẽ không đúng, nên có một nhà giải thích rằng:

“Nhỏ lại lấy lớn: Nếu người tu hành sinh ra một ý nghĩ tham thì về sau, đừng nói về tánh tham đó diệt, được nói là thường si mê. Vì sao?

Vì đã sử dụng pháp tánh làm thần giải, đứng đầu sinh tử. Tục để sử dụng một bên, tự sẽ có ba tướng. Y theo chân đế, đã lấy nghĩa si mê thường ở đây. Đã trái với dụng chân, nếu không có “Giải” để xóa bỏ thì đâu thể được không có. Nên đoạn văn sau đây nói: “Phiền não cũng thường, vì phiền não đoạn thường nên gọi là vô thường. Sở dĩ bốn thời kinh giáo chưa phát ra diệu thể của thần minh, chỉ y theo sinh tử để giải thích, chỉ nói khởi một niệm “Hoặc” (mê lầm), thì cả ba tướng đều tan diệt ngay, nên kể là thành tựu, cũng không nói bị lệ thuộc, mà chủ trương rằng: “Thành tựu này, chính là ý ở bên chân. Giáo hiện nay mới được biểu hiện ý này, nên nói rằng: “Phiền não thường”. Được biết sau khi khởi tham, từ trước đến nay đã được đạo đối trị, lúc tướng sinh ở đời vị lai cũng si, khi trụ diệt cũng si, nên nói “Sinh chung với tham, sinh chung với tham nhưng diệt.”

2. Trường hợp thứ hai có sinh chung với tham, không diệt chung với tham: Nếu khởi “Hoặc” về sau, khi chưa được đạo đối trị, thường xuyên sinh chung với tham. Nay nói từ quán bốn niệm xứ trở đi, đến được vô lậu, không bao giờ đi chung với tham nữa., thành ra “Giải” sau hiện ở trước, vì không còn si mê ở trước, nên không diệt chung với tham, cũng không nói là pháp sinh, diệt của ba tướng.”

3. Trường hợp thứ ba: Có khi bất sinh chung với tham, diệt chung với tham, nghĩa là nếu Bồ-tát đã có kiến giải chân thật thì sẽ không tham nữa, mà vẫn thị hiện có tham để dẫn dắt chúng sinh, hoặc vì giúp cho đạo tâm được sớm hoàn thành, thì đây gọi là bất sinh chung với tham, diệt chung với tham.

4. Trường hợp thứ tư: “Bất sinh chung với tham, không diệt chung với tham”, nghĩa là Chư Phật, Bồ-tát ở địa vị bất động, từ bậc La-hán, Bích-chi, đều được chánh quán hiện ở trước, đều không còn đi chung với tham!”

“Thế nào là tâm sinh chung với tham, diệt chung với tham” cho đến “Tâm sinh chung với tham nhưng không diệt chung với tham?”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Sinh chung, diệt chung là từ chết, sinh chung không diệt chung là từ hai pháp sinh tử và Niết-bàn.”

“Thế nào là bất sinh chung với tham, nhưng diệt chung với tham?” cho đến “Tâm tánh vốn tịnh, tánh vốn bất tịnh?”

Xét: Pháp sư Bảo Lượng nói: “Hai trường hợp chỉ có Niết-bàn, trừ địa Bất động: Địa vị Bất Động đầu tiên có sinh chung với tham, mà

không diệt chung với tham cho nên dứt trừ.”

“Này người thiện nam! Tâm này không hòa hợp với kiết tham, cũng không hòa hợp với sân, si.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Trên đây, nói “Sinh chung”, có người cho rằng: Tâm tham hòa hợp cùng lúc” nay nói là không đúng.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Quyết định phần vị của tâm: Nếu tâm ở chỗ này mà tham lại ở chỗ khác, thì sẽ làm cho cả hai hợp chung. Về lý đã không đúng thì làm sao hòa hợp được? Cũng chẳng phải không hòa hợp, gặp cảnh liền khởi, nhưng không có pháp hòa hợp riêng để được. Nếu tâm tịnh vận hành duyên thì gọi là thiện, ngược lại, tâm bất tịnh vận hành cảnh, thì gọi là ác. Cho nên Chư Phật, Bồ-tát đã đập tan hết tham dục, vì không còn bị “Hoặc” che lấp nữa, nên tâm được giải thoát, phàm phu còn đầy dẫy kiết tham dục, nên thường bị phiền não ràng buộc và thường xuyên bị giam hãm mình ở trong đó!”

“Này người thiện nam! Thí như mặt trời, mặt trăng dù bị khói bụi, mây mù” cho đến “Vì từ nhân duyên nên tâm được giải thoát.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Con người cho rằng: “Vì không phải cùng lúc, nên tham không thể che lấp tâm. Đức Phật dùng khói, mây làm thí dụ, dù ở xa mà vẫn che chướng được.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Các ví dụ dưới đây nói ngoại đạo, phàm phu và ma vương, đều ưa thích nắm dục sinh tử, không lúc nào ra khỏi. Sau đây, tự có hợp dụ.”

Này người thiện nam! Thí như chỗ cao chót vót của núi Tuyết” cho đến “Con người lập thế bất khả vược công họ về nhà.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Núi Tuyết: Với ràng buộc giải thoát làm thí dụ. Người, khi đều không thể trèo lên, dụ cho giải thoát. Con người không thể đi, dụ cho lúc đầu bị ràng buộc, về sau được giải thoát. cả hai người và khi đều có thể đi, dụ cho “Câu sinh”, “Câu diệt” ở trong sinh tử.”

Này người thiện nam! “Ví như vị vua ở trong nước mình” cho đến “Lệ thuộc vào ma thì tâm không thanh tịnh.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Ví dụ chung không từ lý là ràng buộc, từ lý là giải thoát, đại khái nói về sự ràng buộc, giải thoát.”

Lại nữa! “Này người thiện nam! Nếu thấy các pháp” cho đến “Thành tựu đầy đủ công đức thứ tám.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Chứng tỏ sự mê lầm của việc thấy pháp là không từ lý. Nói kiến có ba: Đầu tiên là kiến đoạn, thường rộng. Giữa chỉ nói “Có”, về sau nói ngã kiến là gốc.”